TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07-5-2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đàm Quang Hiệp.
Các Hội thẩm nhân:
1. Ông Huỳnh Văn Hiền.
2. Bà Đoàn Thị Kim Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Bích Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2018/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2018, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Â.
- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Chí H.

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị Â có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/12/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Â trình bày: Chị và anh Huỳnh Chí H tìm hiểu yêu thương nhau trong thời gian khoảng 01 tháng, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán vào tháng 9 năm 2007 và và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15 tháng 8 năm 2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì xảy ra

mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H có tính gia trưởng, thường xuyên rượu chè, sống thiếu trách nhiệm với gia đình, bỏ bê vợ con. Chính vì vậy, vào năm 2017 chị nộp đơn xin ly hôn anh H. Sau khi được Tòa án khuyên giải, chị đã rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện cho anh H sửa chữa bản thân, nhưng anh H vẫn không thay đổi tính nết. Từ tháng 10 năm 2017, chị và anh H ly thân mãi đến nay, phần ai nấy sống không quan tâm gì đến nhau.

Nay xét thấy tình cảm giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Chí H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Huỳnh Chí T, sinh ngày 12/02/2010 và Huỳnh Thị Mai T, sinh ngày 05/10/2014, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 15 tháng 02 năm 2019 thể hiện: Anh Huỳnh Chí H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi nhưng anh không có văn bản ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Cán bộ Tòa án phối hợp cùng Trưởng Công An xã Đ đến nhà anh H để lấy lời khai nhưng anh từ chối không trả lời, không ký vào biên bản làm việc mà không nêu lý do.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm có: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao); Bản sao Giấy khai sinh của Huỳnh Chí T và Huỳnh Thị Mai T; Giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Â (Bản sao); Sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Nguyễn Thị Â (Bản sao) và Đơn xin xác nhận; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự (Bản sao).

Các tình tiết các đương sự đã thống nhất được với nhau: Không có.

Các tình tiết các đương sự không thống nhất được với nhau: Không có.

Lý lẽ, lập luận của các đương sự:

- Chị Â trình bày: Vợ chồng chị đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh H bỏ mặc chị, không quan tâm đến vợ con. Do vậy, chị yêu cầu ly hôn và nuôi con chung vì anh H không có trách nhiệm với gia đình.

- Anh H vắng mặt tại phiên toà, không có lý lẽ và lập luận gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định của pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 53, 56, 81, 82 Luật HNGĐ 2014 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị Âu và anh Huỳnh Chí Hận được ly hôn; Giao cháu Huỳnh Chí Tâm và Huỳnh Thị Mai Trang cho chị Â tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án bị đơn là anh Huỳnh Chí Hận biết việc chị Â khởi kiện xin ly hôn với anh, đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án phối hợp cùng Công An xã đến làm việc trực tiếp với anh, nhưng anh không trình bày ý kiến của mình, không ký vào biên bản làm việc, đã từ chối quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở giải quyết vụ án vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Â và bị đơn anh Huỳnh Chí H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 15/8/2008. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn nên vào tháng 9 năm 2017 chị Â đã khởi kiện xin ly hôn anh H, nhưng đã rút đơn khởi kiện. Sau khi rút đơn, vợ chồng sống không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2017 mãi đến nay, phần ai nấy sống, không còn quan tâm lẫn nhau. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Â và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc chị Â xin ly hôn anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Â.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Â và anh H có 02 con chung tên tên Huỳnh Chí T, sinh ngày 12/02/2010 và Huỳnh Thị Mai T, sinh ngày 05/10/2014, hiện đang ở với chị Â. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con. Xét thấy hiện nay 02 cháu đang sống chung với chị Â, anh H thì không chăm sóc vợ cũng không trực tiếp nuôi con. Khi chị Â yêu cầu ly hôn, anh H không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh H đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trách nhiệm đối với con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định về cuộc sống và các điều kiện phát triển về mọi mặt của

con chưa thành niên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con cho nguyên đơn chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Â không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung: Chị Â không yêu cầu nên không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Chị Â khai không có, nên không xem xét.

[2.6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Â được ly hôn anh Huỳnh Chí H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Huỳnh Chí T, sinh ngày 12/02/2010 và Huỳnh Thị Mai T, sinh ngày 05/10/2014 cho chị Nguyễn Thị Â tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh H chưa phải cấp dưỡng cho con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Â phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0003781, ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chị Nguyễn Thị Â có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/5/2019). Đối với anh Huỳnh Chí H không có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Các đương sự;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đàm Quang Hiệp